

**CÔNG TY TNHH MÁY CÔNG TRÌNH HP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MÁY CÔNG TRÌNH HP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109966144

**3. Ngày thành lập:** 14/04/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 9/2 Ngõ 3 Phố Tân Mai, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 097 22 04 658

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                               | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                      | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                      | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                 | 4390        |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)                                                                                                                                 | 4610        |
| 6.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                 | 4651        |
| 7.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                  | 4652        |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                              | 4653        |
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                     | 4659(Chính) |
| 10. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                             | 4663        |
| 11. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh<br>- Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa | 8299        |
| 12. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                   | 4690        |
| 13. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                   | 4101        |
| 14. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                             | 4102        |
| 15. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                       | 4211        |
| 16. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                        | 4212        |
| 17. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                            | 4221        |
| 18. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                 | 4222        |
| 19. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                  | 4223        |
| 20. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                   | 4229        |
| 21. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                            | 4291        |
| 22. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                     | 4292        |
| 23. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                               | 4293        |
| 24. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                          | 4299        |
| 25. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                              | 4311        |
| 26. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                               | 4321        |
| 27. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                              | 4741        |
| 28. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4752        |
| 29. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                             | 4759        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức        | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | HOÀNG VĂN HUY  | Việt Nam  | Thôn Tân Hậu, Thị trấn Tân Phong, Huyện Quảng Xương, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam | 3.000.000.000         | 60,000    | 038095016471                                                                                            |         |
| 2   | ĐÀO VĂN PHÁP   | Việt Nam  | Thôn Đan Nê 1, Xã Yên Thọ, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam           | 2.000.000.000         | 40,000    | 038086000176                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HOÀNG VĂN HUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 13/03/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038095016471

Ngày cấp: 15/03/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Tân Hậu, Thị trấn Tân Phong, Huyện Quảng Xương, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Tân Hậu, Thị trấn Tân Phong, Huyện Quảng Xương, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội